

NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ THIÊN NHIÊN TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SAU 1975

Trần Mạnh Hùng*

Với diện tích 39.568 km², Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm 11 tỉnh, thành phố với dân số trên 21 triệu người - Vùng đất giàu tiềm năng với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng. Cảnh quan thiên nhiên miền tây sông nước là đề tài, nguồn cảm hứng vô tận cho văn nghệ sĩ sáng tác. Lựa chọn hình ảnh đặc trưng, sử dụng ngôn ngữ giàu chất Nam Bộ và việc đưa những địa danh có thật vào các truyện ngắn, nhà văn đã giới thiệu đến bạn đọc bức tranh thiên nhiên vùng sông nước tươi đẹp và đậm đà hương sắc.

1. Lựa chọn hình ảnh thiên nhiên vùng sông nước

Dòng sông, con xuồng là những hình ảnh thân thuộc, gắn liền với đời sống sinh hoạt của người dân ĐBSCL, khi xa nó người ta thấy nhớ da diết, mông lung. Hình tượng con sông, bờ kênh được khắc họa với nhiều góc độ khác nhau. Có khi là “con kênh vàng đục phù sa lấp lóa hai bờ lá mắm” (*Ước mơ buồn* của Đỗ Tuyết Mai). Khi lại là “dòng sông xanh biếc, rợp mát bóng dừa” (*Quê ngoại* – Thu Trang). Nhưng cũng có lúc dòng sông trở nên dữ dội: “...nước sông vẫn chạy rề hai bên, cột xoáy thỉnh thoảng nổi lên những hình thù kỳ dị rồi vụt biến mất không để lại một dấu vết gì” (*Ông cá hô* của Lê Văn Thảo). Có khi dòng sông trở nên sóng sánh dưới vàng trắng đêm huyền ảo: “Mặt nước sông Cửu Long sáng đục dưới vàng trắng lưỡi liềm” (*Khoảnh khắc hoa quỳnh nở* của Hồ Vĩnh Nguyên). Và đây hình ảnh con sông ghập ghềnh những đá: “Sông ở đây có nhiều đoạn đá ngầm nổi lên giữa dòng chảy. Về mùa hạ nước dội vào đá siết rất dữ” (*Ông thềm thờ* - Trần Kim Trắc). Những giề lục bình trôi thấp thoáng trên sông: “nước đang đứng ròng, mấy giề lục bình dùng dằng không trôi nữa. Những búp hoa màu tím vươn lên từ trong nổi buồn...” (*Ước mơ buồn* của Đỗ Tuyết Mai). “Dòng sông thán thở cuộn cuộn đổ ra biển mang theo những giề lục bình bầm dập tả tơi”. Đôi khi là hình ảnh “Bóng nắng trưa mới còn đùa lao xao trên vạt mắm đã chuyển chéch xuống đám ô rô bên kia bờ kênh” (*Khoảnh khắc hoa quỳnh nở* của Ngô Vĩnh Nguyên). Chúng ta hãy nghe Nguyễn Ngọc Tư tả về dòng sông quê mình... “Sông cách nhà một cái bến dài chẻ ngang đám dừa nước, đám ô rô mọc lỏm chỏm chỏm từ mé lá lên. Những đêm

* ThS. - Trường ĐH Bạc Liêu

trăng sáng nếu không vương mấy bụi rắng, bụi lức đại có thể thấy một dòng chảy lúu lúu sáng loáng, lỏng lộng. Ban đêm con sông trước nhà tôi không ngủ, nó thức theo những chiếc tàu rầm rì chạy qua, theo tiếng mái chèo quẫy chách bụp rất đều, dài từ ngã ba Vàm đến đây, nước chảy êm, khuát gió, những chiếc ghe đi đêm hay đậu lại, nghỉ ngơi...” (**Dòng nhớ**). Nguyễn Ngọc Tư đã đặc tả cảnh nông thôn Nam Bộ: “... một hàng dừa nước bên sông nghiêng mình soi đáy. Những ngày gió chướng về, nước trong vắng vặc rành rạch từng sớ lá. Trên bờ kinh, dây choại mọc đầy, đợt choại xanh non nhuốt lúu ra lúu lúu bước chân người. Hàng bông bụp trước sân nhà nở đỏ. Con heo cỏ bụng đầy đất sọc mũi vào đám rau diệu, rau chay. Sau vườn, dây trầu già leo cây cau óm. Bầy kiến vàng liêu xiêu bò ra bò vào trên nhánh chanh giấy de ra mé ao...”.

Hình ảnh trăng, sao huyền diệu cũng được các tác giả miêu tả với nhiều cung bậc khác nhau. Trăng soi sáng lòng người khi: “trăng lỏng trong những khung ruộng muối đầy ắp nước, càng làm tăng thêm cái ánh sáng lạnh lẽo và có phần giả tạo...những gợn sóng bầm vằm mảnh trăng ấy không thể xóa nhòa...”. Và trăng sáng lòa mặt nước khi “trăng sáng lóa hắt lên từ những khung ruộng muối đầy ắp nước” (**Tiếng hú trong đêm hội lẵng** - Nguyễn Tùng). Trăng chui vào bụi rậm lẫn mây mù “trăng lúi lũi chui vào cụm mây mù...đêm đã về khuya. Trăng khuát dưới tán cây rừng đen kịt” (**Hổ mun** của Đặng Thu Cửu). Đẽ rồi trăng lại mờ mờ ẩn hiện trong đêm mờ ảo với “vàng trăng khuyết ngại ngừng không muốn phô hết mình cứ thập thò ẩn hiện để rơi xuống trần gian một thứ ánh sáng nhạt nhòa mờ ảo” (**Đất không cưu mang** của Bích Ngân). Và những đêm đầy sao trên dòng sông lung linh huyền bí: “Bầu trời trở nên lỏng lộng với ức triệu vì sao... Những vì sao lóng lánh như pha lê, ủa xuống, dát lung linh dòng sông đêm lặng chảy” (**Đêm dòng sông lặng chảy** - Hồ Tĩnh Tâm). Những cơn gió đặc trưng khí hậu miền Tây “lá vàng rụng thay cho bụi lóc mùa hè rồi gió bắc thổi về, đưa cái lạnh phương Bắc xuống...”(**Tiếng gọi ngàn** - Đoàn Giỏi), hay “...Mặt nước trở nên yên tĩnh, phải chờ khi da trời tỏ rạng sao Hôm, nắng vàng chìm xuống, cơn gió Nam mới nổi lên lần nữa...”(**Một cuộc bể dâu** - Sơn Nam). Gió như những sinh thể có hồn, chia sẻ vui buồn cùng đời sống nội tâm của nhân vật. Gió đưa hương thoang thoang, gió ru mát lòng người. Gió làm cho con người trở nên ngây ngất say mê: “Gió thổi qua rào, ve vuốt sóng lưng con Vá. Gió đưa đến mùi hương của các bụi lùm và những ngọn cây rừng cao, mùi nhựa chảy từ những vỏ cây nứt, mùi quả chín tươm mật, mùi phấn vàng lay động bởi cánh dơi quạ và các loại chim đêm, li ti bay vờ vẩn và ngọn gió trĩu tình đón lấy mang đi gieo rắc khắp nơi...” (**Tiếng gọi ngàn** - Đoàn

Giỏi). “Gió trên cao mang theo màu tím của chân trời, thổi xuống triền sông. Gió quất vào cô gái nổi lòng. Gió quất vào con Mila với những chiếc roi mãi mãi không còn là của chủ nó...” (**Đốc chiều hôm** của Trần Phương Anh). Nguyễn Ngọc Tư tả mùa gió chướng: “*Bây giờ, gió chướng non xập xòe trên khắp cánh đồng...*” (*Cánh đồng bắt tận*).

Khí hậu của vùng ĐBSCL cũng được các nhà văn miêu tả rất đặc trưng. Đoàn Giỏi viết về hai mùa mưa nắng ở miền Tây: “*Tháng sáu mùa mưa, gió ẩm ướt thổi thốc liên miên trong những cánh rừng U Minh thượng qua rồi, kể đến là những ngày nắng nóng cháy da kéo dài của sáu tháng mùa khô*” (**Tiếng gọi ngàn**). Còn Hồ Tĩnh Tâm lại có cách cảm nhận riêng: “*Mùa nắng, bốn bề chang nắng, mùa mưa bốn bề ngát nước*” (**Đêm dòng sông lặng chảy**). “*Cơn mưa buổi xế chiều làm tắt rụi ánh mặt trời, và đêm tối nhanh chóng ập xuống. Mưa giăng bốn bề, những rặng vườn trở nên xa vời, mờ mịt, căn lều và chiếc ghe của mình nằm ở đâu vậy ta, Điền hoang mang hỏi, chúng tôi lội xom xom xuống một mé vườn và rã rời tuyệt vọng, xua bầy vịt quay ra*”. (*Cánh đồng bắt tận*-Nguyễn Ngọc Tư). Chỉ vài nét chấm phá, các tác giả đã khắc họa một cách đặc trưng nhất về khí hậu của vùng ĐBSCL - đã nắng thì cháy da, mưa thì mưa ngút ngát. Với cách lựa chọn hình ảnh tiêu biểu, đặc trưng, nhà văn đã chấm phá đầy ấn tượng và sống động bức tranh thiên nhiên vùng ĐBSCL tươi đẹp.

Thật khiêm khuyết khi tìm hiểu về thiên nhiên vùng miền Tây sông nước mà không nói đến đặc sản mà thiên nhiên ban tặng cho vùng đất này: “*thế giới đầy rẫy những con rắn nước, rắn mai gầm con bò chậm chạp trong các lùm rậm, các bụi gai trùm lè... những tổ trứng trích, trứng le le thơm sực mùi cỏ khô*” (**Tiếng gọi ngàn** - Đoàn Giỏi), là những “*con lạch đầy muối, dẫn vô đầm lầy và tiếng sáu thờ trầm trầm*” (**Hổ Mun** của Đặng Thu Cửu). Làm sao có thể quên được cái thú vui của những ngày: “*xách dao lội sục sạo trong đám lá định kiếm đốn một quày dừa nước ăn cho đỡ đói, ngờ đâu nó bỗng gặp may. Một tổ ong vò vẽ treo toong teng dưới nhánh cây mắm de ngang trong đám lá đập vào mắt nó,...*” (**Ước mơ buồn** của Đỗ Tuyết Mai). Sản vật vùng ĐBSCL được nhắc tới trong các truyện ngắn, tuy đơn sơ nhưng gần gũi, thân thiết và đậm đà miền sông nước. Khảo sát 10 truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy các sản vật được nhắc tới 95 lần, trong đó tràm, bông điên điển, lục bình, rắn, ong, rùa... xuất hiện với tần suất cao từ 5 đến 12 lần. Sản vật ở ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với một số ngành nghề và cách sinh hoạt của người dân miền Tây: “*Nước cạn thì tát đìa bắt cá, đặt sập bẫy chuột, thổi tu huyết bắt gà nước...nước lên thì giăng câu đặt lờ...rau thì bẻ ngoài đồng, bẻ bên gò. Bông lục*

binh, ngó sen, bông điên điển, tai tượng và cải trời, cải đất đều là rau cải” (Đêm dòng sông lặng chảy - Hồ Tĩnh Tâm).

Hình ảnh vườn trái cây trĩu quả cũng làm tăng vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cảnh sắc thiên nhiên “*quanh năm hoa thơm trái ngọt, mặt trời soi sáng mỗi ngày*” với “*những vườn chôm chôm, mận, ổi cam xoài trĩu trái dọc đường Cái Răng, Ô Môn...*” (*Vài ngày ở Cần Thơ - Mùng Mán*). Hay mảnh vườn quê ngoại với nét đẹp ngỗ ngàng: “*vườn nhà ngoại không những rộng mà còn đủ loại trái cây. Ngay trên khoảng sân này thôi cũng đủ cả chùm ruột, mận, xori, những chùm mận trắng đơm đầy cành, những trái chùm ruột no tròn, bóng lưỡng*” (*Quê ngoại – Thu Trang*).

Có thể nói, bằng việc lựa chọn những hình ảnh đặc trưng, với bút pháp đặc tả, các nhà văn đã khắc họa sinh động bức tranh thiên nhiên với hương sắc riêng của vùng đồng bằng sông nước.

2. Sử dụng ngôn ngữ giàu chất Nam Bộ

Ngoài sự thành công trong việc lựa chọn hình ảnh miêu tả, các nhà văn cũng rất tinh tế trong sử dụng ngôn từ để miêu tả thiên nhiên. Ngôn ngữ trong các truyện ngắn lịch lãm, giàu chất trữ tình, mộc mạc, giản dị và trong sáng. Đó là thứ ngôn ngữ giàu chất phương ngữ Nam Bộ. Với những gam màu sáng tối đan xen nhau, bức tranh hoàng hôn trên vùng Đồng Tháp Mười bỗng trở nên huyền ảo đến lạ lùng: “*Mặt trời khuất sau đường chân trời, chỉ để lại những tia hồng hình nan quạt. Đám núi bằng mây bông lơ xô ở đằng phía tây lúc chiều còn sáng trắng lên pha màu ngọc trai ở triền đón nắng, thậm hơn và đi bóng ở những thung lũng bị che thì giờ đây tất cả đã bị hoàng hôn nhuộm hồng pha màu tím. Mấy ngôi sao lẻ loi đang nhấp nháy. Chúng tôi thu xếp ra về để lại sau lưng một vệt rừng tràm viền đường chân trời. Giữa mênh mông màu xanh của cỏ năn, sim mua, chen vai cây tràm vừa mới đội tấm thảm hoang dã” (Bông mai giữa Đồng Tháp Mười - Lê Thanh Huệ).*

Sử dụng ngôn ngữ giàu chất Nam bộ, các nhà văn đã khắc họa bức tranh thiên nhiên ĐBSCL tuy gần gũi thân quen, nhưng cũng không kém phần lịch lãm, sang trọng. Trong *Tiếng gọi ngàn*, Đoàn Giỏi cảm nhận về cảnh sắc thiên nhiên trong cơn mưa: “*hai mùa mưa đổ trắng xuống các rặng còng và các cây phượng vĩ gần hồ nuôi cá, đã hai lần rắc xuống thảm cỏ xanh những cánh hoa đỏ rục*”. Lời ăn tiếng nói của người dân Nam bộ cũng được các nhà văn sử dụng nhuần nhuyễn, gọi lên trong lòng bạn đọc một sự dung dị, hoang sơ, mộc mạc mà gần gũi, gần bó đến ân tình “*... Từ điểm xuất phát, đội khảo sát đã lội qua bao đồng bưng, bao bãi sinh lầy*

nước ngập tới ngực để đo và cầm cọc tuyến bằng cọc dài, những tàu dừa nước chặt vôi khi hết cọc gỗ. Nhiều đoạn tuyến đi qua rừng tràm, phát cây rạc cả tay lấy lối đi và dọn quang để ngắm máy. Nhiều hôm chặt phải cây có tổ kiến vàng, kiến rơi xuống bờ nhột nhật khắp người, cắn rất đau. Thỉnh thoảng gặp vài con rắn đen bóng lao từ trên cành tràm xuống rồi mất hút, hoặc bắt được chú rùa chậm chạp hay chú ba ba nhỏ nhỏ...” (Bông mai giữa Đồng Tháp Mười - Lê Thanh Huệ).

Giọng văn cởi mở, tâm tình, nhẹ nhàng và giản dị gần gũi với cách sống và cách nghĩ của người dân ĐBSCL: “gió đồng nội cứ thổi lồng lộng trong đêm tháng mười, mang theo hương tràm và mùi hương của các loài thảo mộc. Dưới ánh sao đêm, khuôn mặt Mai như trắng hơn, bầu bình và đáng yêu hơn” (Bông mai giữa Đồng Tháp Mười - Lê Thanh Huệ). Nguyễn Ngọc Tư có cách sử dụng từ ngữ rất khéo, giữ nguyên hơi hướm đồng quê: “Xuyến ngồi ở đó, ngó nắng...” (Duyên phận so le). “Trên bờ kính, dây choại mọc đầy, đọt choại xanh non nhuốt lú ra lú rú, nín bước chân người” (Người năm cũ).

Qua truyện ngắn ĐBSCL, với việc sử dụng thành công ngôn ngữ địa phương hợp lý, các nhà văn giúp người đọc nhận diện điểm nổi bật về cảnh quan địa lý, lịch sử, văn hoá và tâm hồn, tính cách của con người nơi đây.

3. Đưa những địa danh có thật vào các truyện ngắn

Yếu tố từ địa danh được sử dụng trong truyện ngắn ĐBSCL cũng đóng một vai trò khá lớn trong việc tạo dựng bức tranh thiên nhiên. Thống kê một số truyện ngắn có khoảng hơn 30 địa danh nổi tiếng của vùng ĐBSCL được các nhà văn nhắc đến. Các địa danh này có thể là các tỉnh thành như: Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, Cà Mau, An Giang,... Nhưng có khi địa danh cũng chỉ là cảnh sắc đặc trưng của một vùng nào đó. Chẳng hạn như: Chợ Mới, Giồng Ba Sum của An Giang; Ba Gò, Sa Đéc của Đồng Tháp; Long Hồ, Măng Thít của Vĩnh Long; chùa Dơi, Cần Chong của Sóc Trăng; Cái Răng, Ô Môn của Cần Thơ; Năm Căn, Bảy Háp của Cà Mau... Đôi lúc các địa danh cũng không được giới thiệu một cách trực tiếp mà được giới thiệu gián tiếp qua những đặc sản, đặc trưng phong tục. Chẳng hạn, khi nói về núi Sập với điệu múa Sà-dăm thì ta sẽ liên tưởng ngay đến vùng đất An Giang xinh đẹp. Hay khi người ta nhắc đến những ruộng muối, những đêm trăng của hội Lăng cá Ông thì người dân ĐBSCL dễ dàng nhận ra mảnh đất Thạnh Phú của Bến Tre. Bằng việc đưa những địa danh có thật vào trong tác phẩm, các nhà văn đã khắc hoạ đậm nét cảnh sắc thiên nhiên của vùng ĐBSCL một cách chân thật, sinh động. Qua đó các

nhà văn muốn giới thiệu đến bè bạn bè gần xa về sự độc đáo, trù phú, dung dị và giàu tiềm năng của một vùng đất mới.

Cảnh sắc thiên nhiên ĐBSCL được các nhà văn miêu tả ở nhiều cung bậc, nhiều khía cạnh khác nhau, khi thì đắm thắm trữ tình, nhưng cũng có lúc lại toát lên vẻ đẹp dữ dội đến khắc nghiệt. Trải qua bao thăng trầm biến đổi, nhưng thiên nhiên nơi đây vẫn đầy sức quyến rũ, luôn kích thích sự khám phá của con người. Với cái đẹp rạng ngời mà không chói lóa, hoang sơ bí hiểm nhưng chẳng bao giờ từ chối con người, thiên nhiên ĐBSCL từ ngày khai hoang mở cõi đến nay đã tạo được cho riêng mình một nét đẹp riêng mà không vùng miền nào có được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hữu Thịnh (1996), *Tuyển tập Truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long 1975 – 1995*, H.: Hội Nhà văn.
- [2]. Nguyễn Ngọc Tư (2000), *Ngọn đèn không tắt*. Tp. HCM: Trẻ.
- [3]. Nguyễn Ngọc Tư (2003), *Biển người mệnh mông*, H.: Kim Đồng.
- [4]. Nguyễn Ngọc Tư (2004), *Nước chảy mây trôi*, Tp. HCM: Văn nghệ.
- [5]. Nguyễn Ngọc Tư (2005), *Cánh đồng bất tận*, Tp.HCM: Trẻ.